

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH K

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/DS- ST.

Ngày: 22/9/2022.

“Tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S-TỈNH KONTUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ry Thị Mỹ H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tiến Th và ông Nguyễn Đăng S.

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Trần QN - Thư ký Toà án nhân dân huyện S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Phan Hà Th - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 38/20212/TLST-DS ngày 9/6/2022, về việc *“Tranh chấp đòi tài sản”* ; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 18/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-DS ngày 05/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH mua bán nợ G.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền Tr – Giám đốc.

Địa chỉ: Tầng 1, Tầng 2 tòa nhà PVL Linh Tây Tower, số 5 đường D1, phường Linh T, TĐ, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV S – Do ông Trương Ngọc A – Giám đốc đại diện.

Người được ủy quyền lại: Bà Phan Thị Minh Th

Địa chỉ: 89 Hồ Phi Tích, phường X Hòa, quận CL, ĐN (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Võ Bằng A, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Đức Lý, xã SN, huyện S, tỉnh K (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/05/2022, Công ty TNHH mua bán nợ G trình bày và yêu cầu như sau:*

Theo đề nghị của khách hàng, ngày 26/03/2018 ông Phạm Võ Bằng A có ký Hợp đồng tín dụng số 20180327-2028918 với Công ty tài chính Y vay số tiền 29.540.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.92%/tháng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 30 tháng, ngày bắt đầu trả nợ: 01/05/2018.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính Y 3 lần với tổng số tiền đã trả là 5.112.000 đồng. Kể từ ngày 05/07/2018 đến nay, ông Phạm Võ Bằng A không thanh toán thêm bất cứ khoản nào.

Ngày 29/03/2021, khoản nợ của ông Phạm Võ Bằng A đã được Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (nay là Công ty tài chính Y) chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ G theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-G-21-0003.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty TNHH Mua Bán Nợ G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Võ Bằng A thanh lý hợp đồng một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

1. Trả toàn bộ khoản nợ gốc tính đến ngày 01/10/2020: 27.992.173 đồng.
2. Trả toàn bộ khoản nợ lãi tạm tính đến ngày 01/10/2020: 17.944.914 đồng.

3. Buộc ông Phạm Võ Bằng A phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

** Đối với bị đơn ông Phạm Võ Bằng A:* Tại biên bản xác minh ngày 13/6/2022 của Công an xã SN và biên bản xác minh tại Thôn trưởng thôn Đức Lý, xã SN, huyện S, tỉnh K thể hiện: Ông Phạm Võ Bằng A thường xuyên không có mặt tại địa phương do đi làm ăn, khoảng vài tháng mới về nhà một lần. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng về việc thụ lý vụ án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Phạm Võ Bằng A vắng mặt không lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng

vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định pháp luật.

3. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 116; Điều 117; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Võ Bằng A phải trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G số tiền tính đến ngày 01/10/2020 là 45.937.087đ. Trong đó, nợ gốc là 27.992.173đ, nợ lãi là 17.944.914đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người được thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ Luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Công ty TNHH mua bán nợ G khởi kiện ông Phạm Võ Bằng A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đức Lý, xã SN, huyện S, tỉnh K phải trả cho Công ty số tiền nợ theo Hợp đồng mua bán nợ giữa Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (nay là Công ty tài chính Y) chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ G. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là “*Tranh chấp đòi tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh K.

Đối với ông Phạm Võ Bằng A, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng về việc thụ lý vụ án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định hoãn phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Võ Bằng A.

[2] Về nội dung vụ án:

Công ty tài chính Y và ông Phạm Võ Bằng A đã ký Hợp đồng tín dụng số 20180327-2028918 ngày 26/03/2018 để vay số tiền 29.540.000 đồng, mục đích

vay: tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 30 tháng, ngày bắt đầu trả nợ: 01/05/2018. Sau khi vay, ông An đã thực hiện được nghĩa vụ của mình được 3 kì trả nợ với tổng số tiền 5.112.000đ. Đến ngày 01/10/2020 khoản vay đã đến hạn trả, nhưng ông Phạm Võ Bằng A không có thiện chí trả tiền gốc và lãi và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như những cam kết với Công ty.

Ngày 29/03/2021, khoản nợ của ông Phạm Võ Bằng A đã được Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (nay là Công ty tài chính Y) chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ G theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-G-21-0003. Nay Công ty TNHH Mua Bán Nợ G khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Võ Bằng A phải trả cho Công ty tổng số tiền **45.937.087đ** (Trong đó: Nợ gốc là **27.992.173đ**, nợ lãi tính đến ngày 01/10/2020 là **17.944.914đ**). Ngoài ra, kể từ ngày bản án có hiệu lực mà ông Phạm Võ Bằng A không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

HĐXX xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 20180327-2028918 ngày 26/03/2018 được hai bên tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty tài chính Y đã giải ngân và ông An đã nhận đủ tiền vay. Về phía ông An sau thời gian ký kết hợp đồng xong, chỉ mới thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi được 3 kì. Kể từ ngày 05/07/2018 đến nay, ông An không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo như hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, ông An đã vi phạm nghĩa vụ theo điểm **khoản 8 Điều 1 Hợp đồng tín dụng số 20180327-2028918 ngày 26/03/2018**.

Từ những nhân định trên thấy, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH mua bán nợ G là có cơ sở nên cần chấp nhận. Buộc ông Phạm Võ Bằng A phải trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G tổng số tiền **45.937.087đ** (Trong đó: Nợ gốc là **27.992.173đ**, nợ lãi tính đến ngày 01/10/2020 là **17.944.914đ**).

[3] Về án phí: Bị đơn ông Phạm Võ Bằng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 116; Điều 117; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

Xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*” đề ngày 20/5/2022 của Công ty TNHH mua bán nợ G.

Buộc ông Phạm Võ Bằng A phải trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G số tiền là **45.937.087 đồng** (trong đó, nợ gốc vay là **27.992.173 đồng**, lãi là **17.944.914 đồng**).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người được thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ Luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Phạm Võ Bằng A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **2.296.854** đồng (*Hai triệu hai trăm chín sáu nghìn tám trăm năm tư đồng*).

Trả lại cho Công ty TNHH mua bán nợ G số tiền 1.148.000 đồng (*Một triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004102 ngày 09/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh K.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2022), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà, thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày những người này nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự năm 2009 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lâm

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn

Văn Lâm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Lâm

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lâm